TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **800**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Ngọc Phượng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1.Ông Nguyễn Hải Đăng
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1094/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2016 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Anh Thị C., sinh năm 1978;
Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Mai Văn Cu., sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (về việc ly hôn) ngày 24 tháng 10 năm 2016 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Anh Thị C. trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Mai Văn Cu. tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/1998, quyển số 01/TH ngày 15 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi kết hôn hai bên chung sống tại quận Bình Tân, đến tháng 3/2016 về sinh sống tại Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc. Sau khi có đứa con đầu thì ông Cu. sinh tật nhậu nhẹt, bỏ bê gia đình và ham mê cờ bạc, gây nợ nần ảnh hưởng tới cuộc sống gia đình. Bà và ông Cu. thường xuyên cãi vả và gây gỗ với nhau, có vài lần dẫn đến xô xát. Hai bên đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 sau nhiều lần nỗ lực hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống chung ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C. yêu cầu được ly hôn với ông Cu..

Về con chung: Bà C. khai có 02 con chung là Mai Thị Thanh Th., sinh ngày 21/5/2000 và Mai Thành Đ., sinh ngày 17/01/2010. Khi ly hôn, bà C. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Cu. cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà C. xác nhận không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà C. xác nhận không có nợ chung.

Tòa án tống đạt hợp lệ cho ông Cu. Thông báo thụ lý ; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự nhưng ông Cu. vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Nguyễn Anh Thị C. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Cu. cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cu. vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 22, 28, 35, 39, 68, 97, 171, 172, 173, 174, 191, 195, 196, 197, 203 và 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân của bà C. và ông Cu. là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, ông Cu. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình, điều đó cho thấy ông Cu. không còn thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó, có cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C. và ông Cu. đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 77/1998, quyển số 01/TH ngày 15 tháng 12 năm 1998 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Anh Thị C. và ông Mai Văn Cu. là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà C. yêu cầu ly hôn, ông Cu. hiện đang cư ngụ tại phường Z, quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Tân Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Mai Văn Cu. theo quy định tại Điều 179, 196, 208, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Cu. vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Cu. theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về các yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của bà C., xét thấy cuộc sống vợ chồng của bà C. và ông Cu. thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do ông Cu. sinh tật nhậu nhẹt, bỏ bê gia đình và ham mê cờ bạc, gây nợ nần ảnh hưởng tới cuộc sống gia đình. Hai bên thường xuyên gây gỗ, cãi vả dẫn đến xô xát. Vợ chồng bà C., ông Cu. ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Ông Cu. được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu, cho thấy ông Cu. không thiết tha trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C. và ông Cu. đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy bà C. yêu cầu ly hôn mà Tòa án hòa giải không thành nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C. là phù hợp với quy định Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung:

Bà C. xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Mai Thị Thanh Th., sinh ngày 21/5/2000 và Mai Thành Đ., sinh ngày 17/01/2010. Khi ly hôn, bà C. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông Cu. cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Cu. không đến tòa để trình bày ý kiến. Tuy nhiên việc giao cho ai nuôi phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Trong thời gian ly thân bà C. trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và xét lời trình bày của trẻ Mai Thị Thanh Th. và Mai Thành Đ. có trong hồ sơ, đều thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà C. phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Bà C. xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này ông Cu. có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

3. Về án phí:

Bà C. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 8 Điều 27 Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107; Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Anh Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Anh Thị C. được ly hôn với ông Mai Văn Cu..

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Anh Thị C. và ông Mai Văn Cu. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/1998, quyển số 01/TH ngày 15 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh)) chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao bà C. trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Mai Thị Thanh Th., sinh ngày 21/5/2000 và Mai Thành Đ., sinh ngày 17/01/2010. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Cu. do bà C. không yêu cầu.

+ Ông Cu. có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Viêc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà C. xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà C. xác nhận không có.

Nếu sau này ông Cu. có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Anh Thị C. phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí bà C. đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025661 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Anh Thị C. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mai Văn Cu. được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Ngọc Phượng